

Bản án số: 289/2024/ST-HNGĐ

Ngày: 30/9/2024

V/v: *tranh chấp xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Dung và ông Lê Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Duy

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên
tòa: Bà Nguyễn Mai Thanh- Kiểm sát viên**

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2023/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “*xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm TL; Sinh năm: 1980; Căn cước công dân số: 042180008908; Do cục trưởng cục cảnh sát QLHC về TTXH; Cấp ngày: 18/12/2021; Nơi thường trú: Tổ dân phố 01, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi ở hiện nay: Căn 932 HH1B chung cư Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; Số điện thoại: 0936491199; Xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông M H; Sinh năm: 1964; Hộ chiếu số: Z054****; ngày cấp 04.03.2014; Nơi cấp: Bangladesh; Đăng ký thường trú: xã Z, huyện K, tỉnh Barisal, Bangladesh; Quốc tịch: Bangladesh. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 02 tháng 10 năm 2023, bà Phạm TL có đơn khởi kiện vụ án xin ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: xin ly hôn với ông M H.

Về con: Có 02 con chung là Phạm HN, sinh ngày 02/02/2019; giới tính: nữ; và S, Phạm H, sinh ngày 31/12/2011; giới tính nam. Hai con đang ở với mẹ. Khi ly hôn có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu

cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: bà Phạm TL tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

1- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

2- Giấy khai sinh của con (bản sao).

3- Bản tự khai, đơn xin vắng mặt.

4- Giấy tờ nhân thân khác.

Quá trình giải quyết, nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Phạm TL và ông M H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29/4/2011 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 46 quyền số 01/2011 ngày 04/5/2011.

Sau khi kết hôn, bà Phạm TL và ông M H chung sống với nhau tại: Căn 932 HH1B chung cư Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 3/2020 vợ chồng sống ly thân, ông M H về Bangladesh sinh sống cho đến nay. Bà Phạm TL nhiều lần liên hệ nhưng ông M H không trả lời.

Nay nhận thấy hai bên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên bà Phạm TL đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết ly hôn.

Về phía bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà Phạm TL, thì vào ngày 01/12/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Công văn số 676/2023/UTTPDS-TA24 ngày 01/12/2023 thực hiện tổng đạt giấy tờ tư pháp là Thông báo thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên tòa số 279/2023/TB-TLVA ngày 01/12/2023 cho bị đơn ông M H. Đồng thời ấn định thời gian mở phiên họp hòa giải vào lúc 8 giờ ngày 07/6/2024; thời gian mở lại phiên họp hòa giải vào lúc 8 giờ ngày 05/7/2024; Thời gian mở phiên tòa giải quyết vụ án vào lúc 08 giờ, ngày 06/9/2024; Thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 08 giờ ngày 30/9/2024. Nhưng phía bị đơn ông M H không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và vẫn vắng mặt tại các lần hòa giải, cũng như phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Về thẩm quyền xét xử, do vụ án có đương sự là ông M H là người nước ngoài, nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông M H, mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ hợp lệ việc ủy thác tư pháp về tổng đạt văn bản tố tụng cho ông M H, nhưng ông M H không có hồi âm, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm TL: Do bà Phạm TL và ông M H đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020, ông M H về nước không liên lạc gì với bà Phạm TL, bà Phạm TL cũng xác nhận không còn tình cảm, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm TL. Về con chung: cả hai con chung hiện nay đang do bà Phạm TL trực tiếp nuôi dưỡng nên giao cả hai con chung cho bà Phạm TL tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Bà Phạm TL phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông M H đã được Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa nhân dân Bangladesh thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên tòa số 279/2023/TB-TLVA ngày 01/12/2023 theo quy định tại Điều 11 và 13 Luật tương trợ tư pháp và Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự và thương mại được thông qua ngày 15/11/1965 và có hiệu lực kể từ ngày 10/02/1969. Nhưng đến ngày được Tòa án ấn định trong Thông báo thụ lý vụ án, ông M H vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn ông M H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm TL và ông M H kết hôn tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn là phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, từ năm 2020, do mâu thuẫn vợ chồng, ông M H đã về Bangladesh sinh sống, không còn liên hệ gì với bà Phạm Thị Lam. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm TL và ông M H không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng. Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa bà Phạm Thị Lam và ông M H lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể duy trì, nếu kéo dài sẽ làm khổ cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm TL và đề nghị

của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, cho bà Phạm TL được ly hôn với ông M H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

Trong quá trình chung sống bà Phạm TL và ông M H có 02 con chung: Phạm HN, sinh ngày 02/02/2019; giới tính: nữ; và S, Phạm H, sinh ngày 31/12/2011; giới tính nam. Kể từ khi vợ chồng mâu thuẫn, ông M H về Bangladesh sinh sống không liên lạc gì với bà Phạm TL, cả hai con chung do bà Phạm TL trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, khi ly hôn để đảm bảo điều kiện ổn định về mọi mặt của con chung, cần giao cả hai con chung cho bà Phạm TL trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm TL không yêu cầu ông M H cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông M H cho đến khi bà Phạm TL có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên Tòa không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 8 Điều 27, khoản 1 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Phạm TL phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0005026 ngày 28/12/2023 của Cục Thi hành dân sự thành phố Hà Nội.

Căn cứ khoản 3 Điều 153 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Phạm TL phải nộp và đã thực hiện xong.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng, bà Phạm TL đã nộp tạm ứng chi phí thực tế ủy thác tư pháp theo biên lai thu tiền số 0022900 ngày 28/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Căn cứ khoản 1 Điều 154 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Phạm TL phải nộp và đã thực hiện xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 154 điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 8 Điều 27, khoản 1 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 11 và 13 Luật tương trợ tư pháp và Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự và thương mại được thông qua ngày 15/11/1965 và có hiệu lực kể từ ngày 10/02/1969.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm TL.

1- Về hôn nhân: Bà Phạm TL được ly hôn với ông M H.

2- Về con chung: Bà Phạm TL và ông M H có 02 con chung:

+ Phạm HN, sinh ngày 02/02/2019; giới tính: nữ;

+ S, Phạm H, sinh ngày 31/12/2011; giới tính nam.

Giao cả hai con chung cho bà Phạm TL trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông M H cho đến khi bà Phạm TL có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Ông M H thực hiện quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4- Về án phí, chi phí tố tụng khác: Bà Phạm TL phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0022790 ngày 01/12/2023 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Bà Phạm TL đã nộp xong tiền án phí.

Bà Phạm TL phải chịu 200.000 đồng Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0005026

ngày 28/12/2023 của cục Thi hành dân sự thành phố Hà Nội. Bà Phạm TL đã nộp xong.

Bà Phạm TL phải chịu 3.000.000 đồng thực tế ủy thác tư pháp, được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền số 0022900 ngày 28/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Bà Phạm TL đã nộp xong.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phương Thảo

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phương Thảo

